

Số: 25 /GPMT-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 19 tháng 4 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của
Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét các Văn bản của Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ LC số
1263/TCTCHVN-BQLDAT2HUI ngày 31 tháng 3 năm 2023 về việc đề nghị cấp Giấy
phép môi trường; Văn bản số 1511/TCTCHVN-BQLDAT2HUI ngày 18 tháng 4 năm
2023 về việc giải trình các nội dung bổ sung, chỉnh sửa trong Báo cáo đề xuất cấp
giấy phép môi trường Dự án “Xây dựng nhà ga hành khách T2 - Cảng hàng không
Quốc tế Phú Bài” và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
182/TTr-STNMT-MT ngày 19 tháng 4 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP, địa
chỉ tại số 58, đường Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Xây dựng nhà ga hành
khách T2 - Cảng hàng không Quốc tế Phú Bài” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Xây dựng nhà ga hành khách T2 - Cảng hàng không
Quốc tế Phú Bài.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Phú Bài và xã Thủy Phù, thị xã Hương
Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0311638525, đăng ký lần

đầu ngày 22/3/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 15/8/2018.

1.4. Mã số thuế: 0311638525.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Quản lý, đầu tư, khai thác khai thác hệ thống Cảng hàng không.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

* Diện tích dự án: 193.971,9m², phường Phú Bài và xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

* Quy mô xây dựng:

- Nhà ga hành khách.
- Nhà kỹ thuật M&E kết hợp bể nước ngầm.
- Nhà thu rác.
- Nhà bảo vệ 1, nhà bảo vệ 2.
- Nhà bảo vệ trực trạm.
- Trạm xử lý nước thải và bể nước ngầm.
- Nhà xe 2 bánh (500 vị trí).
- Trạm thu phí.
- Nhà vệ sinh của bãi đỗ xe (2 nhà).
- Các hạng mục phụ trợ.
- Hệ thống đường giao thông.
- Bãi đỗ xe.

* Công suất: 05 triệu hành khách/năm (01 triệu hành khách quốc tế và 04 triệu hành khách quốc nội).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo

quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Quyết định cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- TCT CHK Việt Nam - CTCP;
- UBND thị xã Hương Thủy;
- UBND phường Phú Bài;
- UBND xã Thủy Phù;
- Công Thông tin điện tử UBND tỉnh;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TN.

Phan Quý Phương

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 25 /GPMT-UBND
ngày 19 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải tại khu nhà vệ sinh nhà bảo vệ 1.
- Nguồn số 2: Nước thải tại khu nhà vệ sinh, dịch vụ của nhà ga ở phía Tây dự án.
- Nguồn số 3: Nước thải tại khu vệ sinh, dịch vụ ở các khu vực giữa nhà ga.
- Nguồn số 4: Nước thải tại khu nhà vệ sinh, dịch vụ của nhà ga ở phía Đông dự án.
- Nguồn số 5: Nước thải tại khu nhà vệ sinh nhà bảo vệ 2.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Hồ Bàu Lác thuộc địa phận xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải:
+ Giai đoạn chưa đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Phú Bài được phê duyệt: Mương thoát nước chạy dọc tuyến đường vào hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT) nằm giữa ranh giới đất của Dự án và Cảng vụ Hàng không miền Trung. Nước thải theo mương thoát nước xả thải vào hồ Bàu Lác thuộc địa phận xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Giai đoạn đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Phú Bài được phê duyệt: Tiếp giáp với hồ Bàu Lác thuộc địa phận xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trục 107°, múi chiều 3°) như sau: X (m): 1.813.434; Y(m): 575.463.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 425m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức, chế độ xả thải:

* Giai đoạn chưa đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Phú Bài được phê duyệt:

- *Phương thức xả nước thải:* Tự chảy, xả mặt.
- *Chế độ xả nước thải:* Xả nước thải liên tục (24 giờ).

* Giai đoạn đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Phú Bài được phê duyệt:

- *Phương thức xả nước thải:* Tự chảy, xả ngầm.
- *Chế độ xả nước thải:* Xả nước thải liên tục (24 giờ).

2.3.2. *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:*

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (Giá trị C_{max} , cột A, K=1,0)
1	Lưu lượng	m ³ /h	-
2	pH	-	5-9
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50
5	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	500
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1
7	Amoni (Tính theo N)	mg/l	5
8	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30
9	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
12	Tổng Coliform	MPN/100 ml	3.000

* *Chú thích:*

Giá trị $C_{max} = C \times K$; trong đó:

+ *C_{max} là giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.*

+ *C là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt quy định tại Bảng 1 trong QCVN 14:2008/BTNMT.*

+ *K là hệ số tùy theo loại hình, quy mô và diện tích sử dụng của cơ sở dịch vụ, cơ sở công cộng, khu chung cư và khu dân cư, doanh nghiệp. Đối với Dự án, chọn $K=1,0$.*

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và thoát nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải ở khu nhà vệ sinh nhà bảo vệ 1 được thu gom bằng tuyến ống HPDE D110 dài 60,3m đến hố ga H3, sau đó đến tuyến ống HPDE - PN 12,5 DN 200TP dài 28,1m, nhập vào tuyến ống HPDE - PN 12,5 DN 250TP dài 155,1m đưa nước thải đến bể lưu chứa thể tích 180 m³.

- Nguồn số 2: Nước thải của khu nhà vệ sinh, dịch vụ của nhà ga ở phía Tây được thu gom về tuyến ống HPDE - PN12,5 DN 200TP dài 42,5m đến hố

ga H3, sau đó đến tuyến ống HPDE - PN 12,5 DN 200TP dài 28,1m, nhập vào tuyến ống HPDE - PN 12,5 DN 250TP dài 155,1m đưa nước thải đến bể lưu chứa thể tích 180 m³.

- Nguồn số 3: Nước thải của khu vệ sinh, dịch vụ ở các khu vực giữa nhà ga được thu gom bởi các tuyến ống HPDE - PN 12,5 DN 200TP dài 45,6m, tuyến ống HPDE - PN 12,5 DN 160TP dài 16,4m đến các hố ga H5, H7, H8 và H11 nhập vào tuyến ống HPDE - PN 12,5 DN 250TP dài 155,1m đưa nước thải đến bể lưu chứa thể tích 180 m³.

- Nguồn số 4: Nước thải của khu nhà vệ sinh, dịch vụ của nhà ga ở phía Đông được thu gom bởi các tuyến ống HPDE - PN 12,5 DN 160TP dài 19,3m, đến hố ga H14, đến tuyến ống HPDE - PN 12,5 DN 200TP dài 6,5m đến hố ga 15. Tuyến ống HPDE - PN 12,5 DN 140TP dài 7,8m, đến hố ga H14, đến tuyến ống HPDE - PN 12,5 DN 200TP dài 6,5m đến hố ga 15.

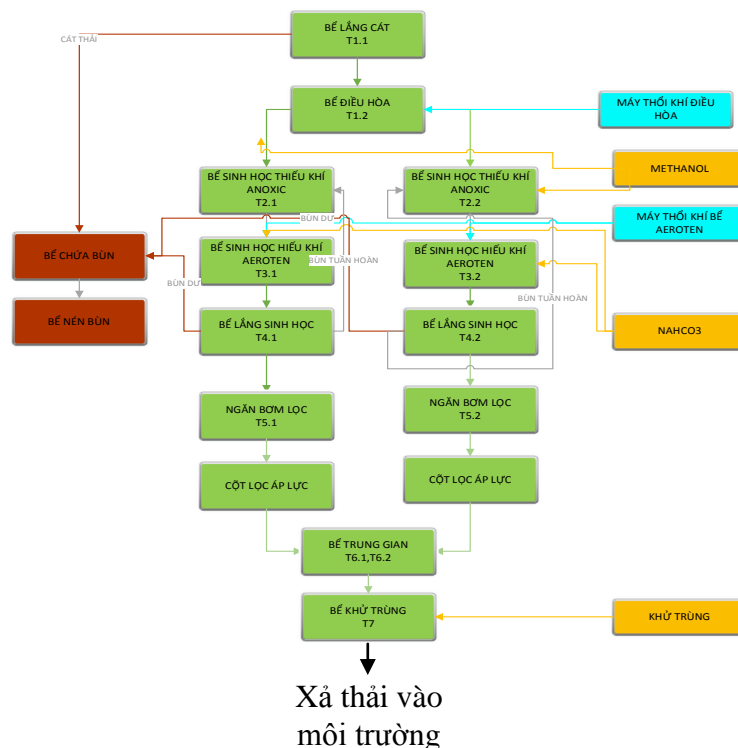
- Nguồn số 5: Nước thải từ khu nhà vệ sinh nhà bảo vệ 2 được thu gom bằng tuyến ống HPDE D110 dài 27m, sau đó nhập vào tuyến cống BTCT DN300 dưới hè dài 375m, đưa nước thải đến hố ga HB2.

Nước thải theo tuyến ống HPDE - PN 12,5 DN 250TP dài 44,7m đưa nước thải đến bể lưu chứa thể tích 180 m³. Nước thải tại bể lưu chứa thể tích 180 m³ được bơm đẩy (P=24 m³/giờ) vào tuyến ống HPDE D110 dài 30m, sau đó nhập vào tuyến cống BTCT DN300 dưới hè dài 375m, đưa nước thải đến hố ga HB2. Nước thải từ hố ga HB2 qua đường ống HPDE DN 110 dài 20,4m đến HTXLNT tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Hệ thống xử lý nước thải, công suất 425 m³/ngày.đêm, cụ thể:

*Sơ đồ khối của HTXLNT được trình bày ở hình sau:



* *Tóm tắt công nghệ:* Nước thải dự án được thu gom, xử lý bằng phương pháp sinh học, tại các bể chức năng (bể lắng cát, bể điều hòa, tách dầu mỡ, bể điều hòa, bể anoxic, bể sinh học hiếu khí, bể lắng sinh học, lọc áp lực, bể khử trùng,...) của HTXLNT, nước thải sẽ được xử lý các chất ô nhiễm và khử trùng đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (giá trị C_{max} , cột A, K=1) trước khi thải ra môi trường.

* *Kích thước và thể tích các bể xử lý:*

Stt	Hạng mục	Kích thước DxRxH (m)
1.	Bể lắng cát (T - 1.1)	4,6x1,6x3,5 (m)
2.	Bể điều hòa (T - 1.2)	8,25x4,6x3,5 (m)
3.	Bể sinh học thiếu khí 1 (T - 2.1)	4,875x3,5x3,5 (m)
4.	Bể sinh học thiếu khí 2 (T - 2.2)	4,875x3,5x3,5 (m)
5.	Bể sinh học hiếu khí (T - 3.1)	4,875x4,8x3,5 (m)
6.	Bể sinh học hiếu khí (T - 3.2)	4,875x4,8x3,5 (m)
7.	Bể lắng sinh học 1 (T - 4.1)	3,5x3,5x3,5 (m)
8.	Bể lắng sinh học 2 (T - 4.2)	3,5x3,5x3,5 (m)
9.	Ngăn bơm lọc 1 (T - 5.1)	3,5x1,125x3,5 (m)
10.	Ngăn bơm lọc 2 (T - 5.2)	3,5x1,125x3,5 (m)
11.	Bể trung gian 1 (T - 6.1)	2,5x2,0x3,5 (m)
12.	Bể trung gian 2 (T - 6.2)	2,5x2,0x3,5 (m)
13.	Bể nén bùn (T - 08)	4,875x4,0x3,5 (m)
14.	Bể chứa bùn (T-09)	4,875x3,7 (m)
15.	Bể khử trùng (T-07)	3,25x2,5x3,5 (m)

* *Danh mục máy móc thiết bị lắp đặt cho hệ thống xử lý nước thải:*

Stt	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
I	BỂ ĐIỀU HÒA				
1	Van điện điều chỉnh khí	Dạng van thường đóng Dòng điện: 220V/50Hz Đường kính: 60mm (2 inch)	Cái	01	Cấp nguồn, chạy 10p, nghỉ 50p
2	Giá đỡ hệ thống phân phối khí	Gia công chế tạo theo thiết kế Vật liệu: SUS 304	Hệ	01	
3	Bơm chìm tại điều hòa	Vận chuyển nước thải bể điều hòa; Công suất Q = 10,5- 12m ³ /giờ; Cột áp H = 6 - 8m; Cấp độ bảo vệ động cơ IP68; Bao gồm khớp nối nhanh, thanh dẫn hướng và xích kéo bơm - sản xuất tại Việt Nam	Cái	03	02 chạy, 01 dự phòng luân phiên. Dừng theo phao báo cạn bể điều

Stt	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
					hòa
4	Thiết bị đo mức	Dùng để đo mức nước thải để điều khiển bơm nước thải; Dạng phao quả.	Bộ	01	Báo cạn bể điều hòa
5	Máy thổi khí	Lưu lượng Q = 2,5- 2,6 m ³ /phút; Cột áp H = 4mH ₂ O; Điệnáp: 3phase/380V/50Hz/4kW.	Cái	02	1 chạy, 1 dự phòng, luân phiên 30p
6	Rọ lọc rác	Gia công chế tạo theo thiết kế Vật liệu: SUS 304	Cái	01	
7	Đồng hồ đo lưu lượng	Đồng hồ cơ	Cái	01	
II	BỂ THIẾU KHÍ				
1	Máy khuấy nước thải	Công suất: 0,7kw/3phase/380V/50Hz Bao gồm: Phụ kiện lắp đặt – sản xuất tại Việt Nam	Bộ	04	2 cặp. Chạy 40p, nghỉ 20p độc lập
2	Van điện điều chỉnh khí:	Dạng van thường đóng Dòng điện: 220V/50Hz Đường kính: 60mm (2 inch)	Cái	01	Cấp nguồn, chạy 10p, nghỉ 50p
3	Bơm định lượng Methanol (CH ₃ OH)	Lưu lượng: 10-15 lít/h Cột áp: H= 3 bar.	Cái	02	2 bơm chạy độc lập, chạy theo bơm điều hòa
4	Thiết bị đo pH	Thang đo: 0,00-14,00 pH Độ phân giải pH: 0,01 Hiệu chuẩn pH bằng tay tại 2 điểm thông qua các nút điều chỉnh Bao gồm: Màn hình, đầu dò	Bộ	01	
III	BỂ HIẾU KHÍ				
1	Bơm tuần hoàn nước thải	Công suất Q = 10-12 m ³ /h; Cột áp H = 6 - 8m Cấp độ bảo vệ động cơ IP68; Bao gồm khớp nối nhanh, thanh dẫn hướng và xích kéo bơm - sản xuất tại Việt Nam	Cái	04	2 cặp. 1 chạy 1 dự phòng. Chạy 40p nghỉ 20p
2	Máy thổi khí cạn	Lưu lượng Q = 9 - 9,5 m ³ /phút; Cột áp H = 4mH ₂ O; Điện áp: 3phase/380V/50Hz	Cái	02	1 chạy, 1 dự phòng, luân phiên 30p
	Bơm định lượng NaHCO ₃	Lưu lượng: 50 lit/h; Cột áp: H=10 bar; Điện áp 3phase/380V/50Hz/0,25kW	Bộ	02	chạy độc lập theo bơm điều hòa

Stt	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
					hòa
3	Thiết bị đo DO	Thang đo 0,0-50,0 mg/L (ppm) Độ phân giải: 0,1 mg/l Hiệu chuẩn bằng tay tại 1 hay 2 điểm Cung cấp bao gồm máy đo, đầu dò cáp 4m, màng DO PTFE, dung dịch điện phân, hộp đựng máy	Bộ	01	Cấp nguồn
IV	Bể lắng				
1	Bơm bùn bể lắng	Hồi lưu bùn sinh học về bể xử lý sinh học & vận chuyển bùn dư về ngăn chứa bùn. Công suất $Q = 7 - 8\text{m}^3/\text{h}$.Cột áp $H = 6 - 8\text{ m}$; Động cơ 3Phase/380V/50Hz ; Cấp độ bảo vệ động cơ IP68; Bao gồm khớp nối nhanh, thanh dẫn hướng và xích kéo bơm	Cái	04	2 cặp, 1 chạy 1 dự phòng, chạy 40p nghỉ 20p
V	Bể trung gian				
1	Bơm nước lên tháp lọc và rửa ngược	Công suất $Q = 10 - 12\text{m}^3/\text{h}$; Cột áp $H = 12 - 16\text{m}$; Cấp độ bảo vệ động cơ IP68; Bao gồm khớp nối nhanh, thanh dẫn hướng và xích kéo bơm - sản xuất tại Việt Nam	Cái	02	1 chạy, 1 dự phòng. Dừng theo phao báo cạn bể trung gian
2	Thiết bị báo mức nước:	Dùng để đo mức nước thải để điều khiển bơm nước thải; Dạng phao quả	Bộ	02	Báo mức cạn bể trung gian
3	Đồng hồ đo lưu lượng	Đồng hồ cơ	Cái	01	
VI	Bể chứa bùn và nén bùn				
1	Bơm bùn từ bể nén bùn sang bể chứa bùn	Công suất $Q = 10 - 12\text{m}^3/\text{h}$; Cột áp $H = 12 - 16\text{m}$; Cấp độ bảo vệ động cơ IP68; Bao gồm khớp nối nhanh, thanh dẫn hướng và xích kéo bơm	Cái	2	1 chạy 1 dự phòng, chạy
2	Thiết bị báo mức nước	Dùng để đo mức nước thải để điều khiển bơm nước thải; Dạng phao quả	Bộ	1	Báo mức cạn bơm bùn
VII	Bể khử trùng				
1	Bơm định lượng	Lưu lượng: 10-14 lit/h Cột áp: $H = 3\text{ bar}$	Cái	2	1 chạy, 1 dự phòng

Stt	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	khử trùng				theo bơm điều hòa
VIII	Nhà điều hành				
1	Quạt hút khí thải	Lưu lượng: $Q = 1000 - 1100 \text{ m}^3/\text{h}$; Truyền động trực tiếp; Cấp độ bảo vệ động cơ IP55 Cột áp: 450pa -600 pa	Cái	02	
2	Bồn lọc áp lực	$D \times H = 1.200 \times 2.200$	Hệ	02	
3	Bồn hóa chất	500l	Cái	02	
4	Bồn hóa chất	1.000l	Cái	01	

* *Nhu cầu hoá chất sử dụng:*

Stt	Tên hóa chất	Loại hóa chất	Dạng	Liều lượng
1	Cơ chất dinh dưỡng	Methanol 20%	Lỏng	60 ml/m ³ nước thải
2	Cơ chất dinh dưỡng	NaHCO ₃	Bột	0,05 kg/m ³
3	Hóa chất khử trùng	Javel 8%	Lỏng	37 g/m ³ nước thải

1.3. Thoát nước thải:

- Giai đoạn chưa đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Phú Bài được phê duyệt: Nước thải sau xử lý của HTXLNT theo tuyến cống BTCT DN 300 dài 35m, đến hố ga rồi qua cống tròn D300 dài khoảng 5m xả thải vào mương thoát nước chạy dọc tuyến đường vào HTXLNT nằm giữa ranh giới đất của Dự án và Cảng vụ Hàng không miền Trung.

- Giai đoạn đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Phú Bài được phê duyệt: Nước thải sau xử lý của Dự án sẽ theo hệ thống thoát nước kín theo quy hoạch được phê duyệt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Sự cố cháy nổ: Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về phòng cháy; quản lý chặt chẽ và sử dụng an toàn các chất cháy, chất nổ, nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị và dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất sinh lửa, sinh nhiệt; đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy; thường xuyên, định kỳ kiểm tra phát hiện các sơ hở, thiếu sót về phòng cháy và có biện pháp khắc phục kịp thời; kiểm tra các điều kiện về an toàn PCCC theo quy định của pháp luật.

- Sự cố tại hệ thống thoát nước và HTXLNT:

+ Các vật tư, linh kiện, thiết bị chế tạo hệ thống được lựa chọn, đặt sản xuất với tiêu chuẩn chất lượng cao, phổ biến, dễ thay thế, sửa chữa nhanh trong 1-2 ngày. Kỹ thuật viên có thể thực hiện kiểm tra, bảo trì, sửa chữa, thay thế ngay cả khi không cần tắt điện toàn bộ hệ thống.

+ Tủ điều khiển của HTXLNT được thiết kế, cài đặt các chế độ điều khiển hệ thống tự động; có các hệ thống phụ trợ kiểm soát điện áp, nhiệt độ, quá dòng, quá tải, lưu lượng và báo lỗi để duy trì hệ thống hoạt động ổn định trong thời gian dài. Các thiết bị chính được thiết kế mạch đóng/cắt và mạch bảo vệ nhiều lớp riêng biệt. Khi có thiết bị gặp sự cố, mạng báo lỗi trên tủ điều khiển được kích hoạt báo sớm cho người vận hành và mạch bảo vệ sẽ ngắt thiết bị (nếu đến ngưỡng) để bảo đảm các thiết bị không bị hư hỏng nặng và không làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của toàn HTXLNT.

+ Hệ thống bể lưu chứa, bể điều hoà, bể gom, đường ống thu gom và các hố ga được thiết kế đảm bảo lưu chứa được 150 -200% lượng nước thải phát sinh trong ngày phòng trường hợp hệ thống phải dừng hoạt động hoàn toàn để kiểm tra, thay thế thiết bị.

+ Trường hợp, HTXLNT gặp sự cố:

- Bước 1: Nước thải được thu gom lưu chứa tạm thời tại bể lưu chứa 180 m³, bể điều hoà 133 m³, bể gom và khóa van dẫn nước thải đến các bể còn lại đồng thời khóa van xả thải.
- Bước 2: Bơm nước thải luân phiên các module để kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị của HTXLNT.
- Bước 3: Sau khi kiểm tra hệ thống, thay thế máy móc thiết bị, Chủ dự án sẽ tiến hành bơm nước thải về HTXLNT để xử lý trước khi xả thải vào môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

- Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm:

+ Thời gian bắt đầu vận hành: 05/2023.

+ Thời gian kết thúc vận hành: 07/2023.

- Công suất dự kiến đạt được của từng hạng mục tại thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm: 60%.

- Kế hoạch quan trắc, đánh giá:

Stt	Vị trí quan trắc	Thông số	Tần suất	Loại mẫu
1	Nước thải đầu vào của HTXLNT	Lưu lượng, pH, BOD ₅ , TSS, TDS, S ²⁻ , NH ₄ ⁺ , NO ₃ ⁻ N, Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, PO ₄ ³⁻ P, Tổng coliform	01 đợt	Mẫu đơn
2	Nước thải đầu ra của HTXLNT		Ít nhất 03 đợt/03 ngày liên tiếp (trường hợp bất khả kháng, phải thực hiện đo đạc vào ngày tiếp theo)	

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3.3. Giai đoạn đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch Cảng hàng không quốc tế Phú Bài được phê duyệt, yêu cầu chủ dự án xây dựng hệ thống thoát nước thải của dự án theo quy hoạch được phê duyệt.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN,
ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 25 /GPMT-UBND
ngày 19 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn phát sinh: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị (Máy phát điện dự phòng, máy bơm nước thải,...), hoạt động phát thanh của nhà ga và hoạt động của các phương tiện vận chuyển ra vào nhà ga.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Khu vực hoạt động của dự án.
- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trực 107°, múi chiếu 3°): X (m): 1.813.590; Y (m): 574.956 (tọa độ trung tâm của dự án).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Stt	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
	QCVN 26:2010/BTNMT		
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB QCVN 27:2010/BTNMT		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên kiểm tra và nhắc nhở các phương tiện hoạt động xung quanh tắt máy phương tiện nếu dừng hoặc đỗ trong thời gian dài; đối với các phương tiện phục vụ mặt đất thì không sử dụng các loại xe có động cơ quá cũ; trang bị nút tai chống ồn cho nhân viên làm việc tại khu vực phục vụ mặt đất

gần máy bay; phối hợp với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đảm bảo hoạt động bay, người khai thác tàu bay giảm thiểu thời gian hoạt động của động cơ tàu bay trong khu bay.

- Máy phát điện dự phòng: lắp đặt máy phát điện dự phòng trong phòng kín tiêu âm.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 25 /GPMT-UBND
ngày 19 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Chủng loại, khối lượng:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1.	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất thải)	Rắn/lỏng	60	08 02 01
2.	Bộ lọc dầu	Rắn	100	15 01 02
3.	Dầu phanh thải	Lỏng	50	15 01 07
4.	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	24	16 01 06
5.	Pin, ắc quy thải	Rắn	120	16 01 12
6.	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng CTNH)	Rắn	24	16 01 13
7.	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	120	17 01 06
8.	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	30	17 02 03
9.	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Lỏng	30	17 06 01
10.	Xăng dầu thải	Lỏng	24	17 06 02
11.	Bao bì mềm thải	Rắn	12	18 01 01
12.	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	45	18 02 01
Tổng cộng:			639	

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Stt	Loại CTR thông thường	Mã chất thải	Khối lượng (kg/ngày)	Trạng thái tồn tại
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	50	Rắn
2	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH)	18 01 06	50	Rắn

Stt	Loại CTR thông thường	Mã chất thải	Khối lượng (kg/ngày)	Trạng thái tồn tại
	thải			
3	Bao bì kim loại (đã chứa chất khí thải ra không phải là CTNH và không có lớp lót nguy hại như amiang) thải	18 01 08	100	Rắn
4	Bao bì (đã chứa chất khí thải ra không phải là CTNH) thải bằng vật liệu khác (như composite)	18 01 11	40	Rắn
5	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải	12 06 13	123	Bùn
Tổng cộng			363	

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa:* 12 thùng chứa CTNH, chất liệu bằng nhựa HDPE (thể tích 120 lít/thùng).

2.1.2. *Kho lưu chứa:* Diện tích 155 m² (chung với kho lưu giữ CTR sinh hoạt). Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 06 tháng/lần).

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. *Thiết bị lưu chứa:* 06 thùng chứa đặt cạnh các cột dọc theo hướng đi bên ngoài nhà ga (thể tích 120 lít/thùng), chất liệu bằng nhựa HPDE và 15 thùng chứa (thể tích 120 lít/thùng), chất liệu bằng Inox trong khuôn viên khu vực nhà ga để thu gom phân loại CTR sinh hoạt tại khu vực phát sinh chất thải; 18 thùng (thể tích 120 lít/thùng) để lưu giữ CTR sinh hoạt.

2.2.2. *Kho lưu chứa:* diện tích 155 m² (chung với kho lưu giữ CTNH). Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ bùn dư phát sinh từ HTXLNT, Chất thải từ hầm vệ sinh:

- Chất thải từ hầm vệ sinh: Để đảm bảo hoạt động vận hành của Dự án, Cảng hàng không Quốc tế Phú Bài - Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam (đại diện cho Chủ dự án vận hành Dự án) sẽ tiếp tục hợp đồng với đơn vị có chức năng (điển hình Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Huế) để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải từ hầm vệ sinh phát sinh của Dự án.

- Bùn thải từ HTXLNT: Được thu gom sang bể nén bùn. Tại bể nén bùn, phần nước lắng trong sẽ được tự chảy về bể điều hòa để quay lại quy trình xử lý và phần bùn cặn lắng xuống đáy được bơm về bể chứa bùn để lưu trữ. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Chủ dự án có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng

ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.